

Số: 1738/KL-UBND

Bảo Lâm, ngày 29 tháng 12 năm 2020

KẾT LUẬN

Thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách; trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Quyết định thanh tra số 2192/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Bảo Lâm về việc thanh tra UBND xã Quảng Lâm trong việc quản lý, sử dụng ngân sách; trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 14/12/2020 của Đoàn thanh tra.

Kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Quảng Lâm là xã vùng sâu, vùng xa của huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Do địa hình chia cắt phức tạp, trình độ dân trí thấp, điều kiện cơ sở hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ cho nên ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đến thời điểm thanh tra, công tác PCTN và tiếp công dân, giải quyết KNTC ngày càng đi vào nề nếp, việc quản lý, sử dụng ngân sách ngày càng hiệu quả hơn và đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần ổn định đời sống nhân dân các dân tộc, củng cố an ninh quốc phòng, tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở xã Quảng Lâm nói riêng và của cả huyện Bảo Lâm.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYÊN:

Từ năm 2015 đến năm 2019, UBND xã Quảng Lâm đã chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn xảy ra sai sót: Đã lập một số loại sổ kế toán, nhưng chưa có sổ theo dõi trang thiết bị, công cụ dụng cụ, chưa mở sổ theo dõi Giấy đi đường. Hàng tháng, quý, năm chưa kiểm kê quỹ tiền mặt, cuối năm chưa kiểm kê tài sản. Một số chứng từ kế toán còn thiếu chữ ký, sửa chữa sai quy định, một số hóa đơn bán hàng còn ghi ngày tháng khác giấy than, bằng bút bi, chứng từ gốc là Giấy đi đường chưa được đánh số thứ tự, đánh số phiếu chi sai quy định. Còn để xảy ra chi sai tiêu chuẩn, định mức.

1. Gia đoạn năm 2015 - 2016 ông Mã Văn Chung phụ trách kế toán

1.1. Năm 2015

- Tổng thu: 4.080.530.000đ

- Tổng chi: 4.080.530.000đ
- Đánh số phiếu chi sai quy định.
- Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức: **2.660.000đ**. (Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo).

1.2. Năm 2016

- Tổng thu: 3.899.102.625đ
- Tổng chi: 3.899.102.625đ
- Đánh số phiếu chi sai quy định.
- Số tiền đã chi sai, chưa hợp lệ: **4.330.000đ**. (Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo).

2. Giai đoạn năm 2017 - 2019 ông Ban Văn Thức phụ trách kế toán

2.1. Năm 2017

- Tổng thu: 4.662.736.633đ
- Tổng chi: 4.662.736.633đ
- Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức: **1.878.000đ** (Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo).

2.2. Năm 2018

- Tổng thu: 4.596.085.183đ
- Tổng chi: 4.596.085.183đ
- Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức: **1.756.000đ** (Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo).

2.3. Năm 2019

- Tổng thu: 4.815.502.193đ
- Tổng chi: 4.815.502.193đ
- Số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: **3.540.000đ** (Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo).

3. Tổng số tiền chi sai qua các năm: 14.164.000đ, cụ thể:

- Ông Mã Văn Chung - Nguyên kế toán xã đã chi sai tiêu chuẩn, định mức **6.990.000đ**

- Ông Ban Văn Thức - Kế toán xã đã chi sai chế độ, định mức **7.174.000đ**

II. VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Việc thực hiện Quyết định 102

1.1. Kết quả kiểm tra trên hồ sơ, chứng từ:

- Địa bàn thực hiện là 10/10 xóm trên địa bàn xã;
- Đối tượng thụ hưởng là tất cả các hộ nghèo được quy định theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2015 - 2018 trên địa bàn xã;
- Kinh phí thực hiện cơ bản đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng được thụ hưởng;

- Hình thức, định mức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật như muối I ốt; Giống cây trồng; giống ngô, giống lúa, định mức hỗ trợ là: 100.000đ/ khẩu, mỗi năm 01 lần.
Cụ thể:

* **Năm 2015:** Tổng kinh phí giao năm 2015 là: 171.100.000 đồng (Dự toán giao theo QĐ số 430a/QĐ-UBND, ngày 27/4/2015 của UBND huyện Bảo Lâm); Kết quả thực hiện: 171.100.000 đồng, đạt 100%:

- Hạng mục hỗ trợ: giống ngô, lúa:

+ Giống ngô: 125 hộ = 72.300.000 đồng;

+ Giống lúa: 239 hộ = 98.800.000đồng.

* **Năm 2016:** Tổng kinh phí giao là: 173.500.000 đồng (Dự toán giao theo QĐ số 595/QĐ-UBND, ngày 12/5/2016 của UBND huyện Bảo Lâm); Kết quả thực hiện: 173.500.000 đồng, đạt 100%.

- Hạng mục hỗ trợ: Hỗ trợ muối I ốt, giống ngô, lúa.

- Tổng số đối tượng thụ hưởng: 364 hộ = 1.735 nhân khẩu:

+ Muối I ốt = 125.9000 đồng= 1.259 khẩu;

+ Giống ngô, lúa: 47.600.000đồng= 476 khẩu.

* **Năm 2017:** Tổng số kinh phí giao: 570.100.000 đồng(Dự toán giao theo QĐ số 838a/QĐ-UBND, ngày 5/5/2017 của UBND huyện Bảo Lâm); Kết quả thực hiện: 570.100.000 đồng, đạt 100%.

- Hạng mục hỗ trợ: Muối I ốt:

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 1.085 hộ = 5.710 nhân khẩu = 570.100.000 đồng.

* **Năm 2018:** Tổng số kinh phí giao là: 367.300.000 đồng (Dự toán giao theo Quyết định số 789/QĐ-UBND, ngày 12/4/2018 của UBND huyện Bảo Lâm; Kết quả thực hiện: 367.300.000 đồng, đạt 100%.

- Hạng mục hỗ trợ: Muối I ốt, giống ngô, giống lúa.

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 421 hộ =3.673 nhân khẩu:

+ Giống ngô: 119 hộ= 508 khẩu = 50.800.000 đồng;

+ Giống lúa: 196 hộ= 1.067 khẩu= 106.700.000 đồng;

+ Muối I ốt: 106 hộ= 2.098 khẩu= 209.800.000đồng.

1.2. Kết quả kiểm tra, xác minh thực tế:

Qua kiểm tra, xác minh thực tế tại một số xóm trên địa bàn xã (xóm Tổng Chảo, xóm Nà Luông, xóm Nà Đon, xóm Bản Nà, xóm Tổng Ngoàng ...) việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, muối i ốt, bột canh i ốt..., theo Quyết định 102 của Chính phủ do UBND xã Quảng Lâm cấp phát cho các hộ dân nghèo từ năm 2014- 2018 đều đã được nhận đầy đủ, đúng đối tượng được thụ hưởng theo danh sách cấp phát.

1.3. Đánh giá, nhận xét về kết quả thanh tra, kiểm tra:

1.3.1.Thuận lợi:

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND huyện, sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn, UBND xã Quảng Lâm đã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, ngày 22/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ đúng quy định, đúng đối tượng được hưởng lợi; việc hỗ trợ cho các hộ dân nghèo về giống cây trồng, vật nuôi, muối i ốt...là thiết thực, được các hộ dân nghèo ủng hộ, chăm sóc có hiệu quả, góp phần tăng thêm thu nhập, ổn định đời sống từng bước cải thiện đời sống...

1.3.2. Hạn chế:

Công tác tuyên truyền chính sách ở cấp cơ sở xã còn hạn chế; nhận thức của các hộ dân về chính sách hỗ trợ cho người nghèo chưa đầy đủ, nên sử dụng các chính sách hỗ trợ chưa có hiệu quả; việc thực hiện hỗ trợ bằng hiện vật gặp nhiều khó khăn do đăng ký nhu cầu của người dân không tập trung, thống nhất về giống cây trồng, vật nuôi...

1.3.3. Nguyên nhân:

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, ngày 22/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ chỉ mang tính tình thế, không đáp ứng nhu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất tạo thu nhập cho người nghèo; các văn bản hướng dẫn thực hiện còn thiếu đồng bộ cho nên gây lúng túng cho cơ sở dẫn đến hạn chế trong việc triển khai, thực hiện; các chính sách và giải pháp chủ yếu là trực tiếp cho nên chỉ thích hợp trong đầu tư ngắn hạn nên hiệu quả còn hạn chế và thiếu bền vững; một số hộ dân nghèo còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại các chính sách hỗ trợ từ nhà nước...

- Việc rà soát nhu cầu của đối tượng thụ hưởng chính sách chưa kịp thời nên khó khăn trong việc phân bổ kinh phí và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

- Địa bàn thực hiện rộng, phân tán; tỉnh, huyện không có nguồn kinh phí bổ sung cho công tác quản lý, kiểm tra... quá trình thực hiện chủ yếu lồng ghép với các chương trình đầu tư khác...

2. Việc thực hiện Nghị quyết 30a của Chính phủ

2.1. Công tác tổ chức triển khai, thực hiện:

Quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo nghị quyết 30a/2008/NQ-CP tại xã thực hiện như sau:

- Việc thực hiện hỗ trợ kinh phí mua bò cái sinh sản, dê cái sinh sản, hỗ trợ kinh phí làm chuồng trại, kinh phí trồng cỏ, hỗ trợ giống ngô, lúa, giao khoán, bảo vệ rừng.. có danh sách cấp phát được lập theo hạng mục, theo từng xóm, có ký nhận hoặc điểm chỉ của các hộ dân, có giấy biên nhận mua bán, biên bản họp xóm, đơn xin hỗ trợ kinh phí, bản cam kết...

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã phân công cán bộ phụ trách đến xóm tổ chức họp các hộ dân để các hộ dân đăng ký nhu cầu hưởng hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, Ủy ban nhân dân xã căn cứ nhu cầu đăng ký của các hộ dân tại các xóm tổng hợp chung toàn xã rồi trình lên Ủy ban nhân dân huyện.

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo Nghị quyết 30a cho các xã, thị trấn, Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào tình hình thực tế của xã và nhu cầu đăng ký của các xóm, căn cứ kết quả cuộc họp Thường trực ba bên ban hành quyết định phân bổ chỉ tiêu thực hiện các hạng mục cho các xóm (ưu tiên hộ nghèo được hưởng trước). Ủy ban nhân dân xã giao cho cán bộ phụ trách phối hợp với trưởng xóm và các hộ dân được hỗ trợ triển khai thực hiện.

- Việc thực hiện kiến tạo ruộng, nương bậc thang: có đơn xin hỗ trợ kinh phí tạo ruộng, nương bậc thang, biên bản xác định địa điểm, biên bản nghiệm thu thửa đất, sơ đồ thửa đất...

Ủy ban nhân dân xã phân công cán bộ phụ trách các xóm đến cơ sở tổ chức họp các hộ dân để rà soát các hộ có nhu cầu đăng ký kiến tạo ruộng, nương bậc thang. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo nghị quyết nghị quyết 30a cho xã, căn cứ vào tình hình thực tế của xã và nhu cầu của đăng ký của các hộ dân, Ủy ban nhân dân xã phân bổ chỉ tiêu thực hiện các hạng mục hỗ trợ cho các xóm, Ủy ban nhân dân xã giao cho cán bộ phụ trách phối hợp với trưởng xóm và các hộ dân được hưởng hỗ trợ triển khai thực hiện và nghiệm thu kết quả thực hiện.

2.2. Kết quả thực hiện:

* Năm 2015 thực hiện theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND huyện Bảo Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững- NQ 30a năm 2015. Tổng kinh phí giao: 585.120.000 đồng.

- Kết quả thực hiện:

- + Hỗ trợ mua giống ngô lai: 62.500.000đ
- + Hỗ trợ mua giống lúa lai: 70.620.000đ
- + Hỗ trợ mua giống bò cái sinh sản: 270.000.000đ
- + Hỗ trợ mua giống Dê: 120.000.000đ
- + Hỗ trợ làm chuồng trại: 14.000.000đ
- + Hỗ trợ mua giống cò: 48.000.000đ

* Năm 2016: Thực hiện theo Quyết định số 1325/QĐ- UBND, ngày 11/8/2016 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch, thuộc nguồn vốn sự nghiệp, thực hiện Nghị quyết 30a/CP các xã, thị trấn năm 2016 tổng kinh phí là 659.500.000đ trong đó: Hỗ trợ mua giống ngô: 112.500.000đ; giống lúa: 107.000.000đ; giống cò: 72.000.000đ; Dong riêng: 18.000.000đ; giống bò: 250.000.000đ; Chuồng trại: 100.000.000đ; và Quyết định số: 195/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016 của UBND huyện Bảo Lâm về việc giao bổ sung Chỉ tiêu kế hoạch vốn sự nghiệp theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 thực hiện hỗ trợ một lần mua giống dê xã Quảng Lâm 10 hộ.

- Kết quả thực hiện Quyết định 2238/QĐ-UBND, ngày 29/8/2016 là: 594.660.000đ; trả lại ngân sách nhà nước 64.840.000đ cụ thể: Hỗ trợ mua Dong riêng: 18.000.000đ; Chuồng trại 10.000.000đ, Trồng cò: 26.840.000đ;

- + Hỗ trợ mua giống ngô lai: 112.500.000đ
- + Hỗ trợ mua giống lúa lai: 107.000.000đ
- + Hỗ trợ mua giống bò cái sinh sản: 240.000.000đ
- + Hỗ trợ làm chuồng trại: 90.000.000đ
- + Hỗ trợ mua giống cò: 45.160.000đ

- Kết quả thực hiện Quyết định 195/QĐ-UBND, ngày 16/3/2016 là 100.000.000đ.

Hạng mục mua giống dê: 100.000.000đ

* Năm 2017, thực hiện theo Quyết định số 2238/QĐ-UBND, ngày 29/8/2017 của UBND huyện Bảo Lâm về việc Phê duyệt Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch và hỗ trợ chăm sóc giao khoán, bảo vệ

rừng của các xã, thị trấn thực hiện nguồn vốn sự nghiệp theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ năm 2017, tổng kinh phí nhà nước hỗ trợ: 457.650.000đ, cụ thể: Dự án chăm sóc giao khoán bảo vệ rừng kinh phí hỗ trợ: 55.650.000đ; Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch: 402.000.000đ, trong đó: Giống ngô: 120.000.000đ; Giống lúa: 76.000.000đ; Giống bò: 170.000.000đ; Chuồng trại: 8.000.000đ; Trồng cỏ: 28.000.000đ; 372.000.000đ dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; trả lại ngân sách 85.650.000đ, trong đó: dự án chăm sóc giao, khoán bảo vệ rừng là 55.650.000đ, dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng hạng mục giống bò: 30.000.000đ.

+ Hỗ trợ mua giống ngô lai là: 120.000.000đ

+ Hỗ trợ mua giống lúa lai là: 76.000.000đ

+ Hỗ trợ mua bò cái sinh sản: 140.000.000đ

+ Hỗ trợ làm chuồng trại: 8.000.000đ

+ Hỗ trợ mua giống cỏ: 28.000.000đ

* Năm 2018, thực hiện theo Quyết định số 2204/QĐ -UBND, ngày 21/9/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hỗ trợ đất sản xuất, chăm sóc giao khoán bảo vệ rừng, có giá trị kinh tế theo quy hoạch của các xã, thị trấn về việc giao chỉ tiêu Chương trình MTQGGBV -NQ30a năm 2018. Tổng kinh phí hỗ trợ: 659.158.000đ cụ thể:

- Vốn hỗ trợ tạo ruộng bậc thang và giao khoán bảo vệ rừng 171.385.000đ, trong đó:

+ Kiến tạo ruộng bậc thang: 150.000.000đ,

+ Giao khoán bảo vệ rừng: 20.000.000đ,

+ Kinh phí quản lý, nghiệm thu: 1.385.000đ);

- Hạng mục hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tổng kinh phí: 487.773.000đ, trong đó:

+ Giống ngô lai: 48.000.000đ,

+ Giống lúa: 60.000.000đ,

+ Giống dong riềng: 3.600.000đ,

+ Giống bò sinh sản: 100.000.000đ,

+ Chuồng trại: 44.000.000đ,

+ Phân bón ngô: 108.267.000đ,

+ Phân bón lúa: 68.133.000đ,

+ Kinh phí tập huấn: 7.000.000đ,

+ Kinh phí quản lý dự án: 48.773.000đ).

- Kết quả thực hiện: 480.592.000đ; trả lại ngân sách nhà nước 178.566.000đ, trong đó: Kinh phí quản lý dự án: 36.773.000đ; Ruộng bậc thang: 137.793.000đ, Chuồng trại: 4.000.000đ.

+ Hỗ trợ hộ nghèo làm chuồng trại: 40.000.000đ

+ Hỗ trợ mua giống bò cái sinh sản: 100.000.000đ

+ Hỗ trợ kinh phí khoán bảo vệ rừng; 20.000.000đ

+ Hỗ trợ mua giống rong riềng: 3.600.000đ

+ Hỗ trợ tiền nghiệm thu khoán bảo vệ rừng; 1.385.000

+ Hỗ trợ khai hoang ruộng bậc thang; 12.207.000đ

- + Hỗ trợ mua giống ngô, lúa, phân bón; 284.400.000đ
- + Hỗ trợ mở lớp tập huấn nâng cao năng lực giám sát; 2.000.000đ
- + Hỗ trợ tập huấn nâng cao năng lực cho hộ được hưởng lợi; 7.000.000đ.
- + Tập huấn nâng cao năng lực xây dựng NTM; 10.000.000đ

* Năm 2019, thực hiện theo Quyết định số 1882/QĐ – UBND, ngày 08/8/2019 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt dự án vốn dự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thực hiện Chương trình 30a, Chương trình 135 năm 2019, tổng kinh phí thuộc chương trình 30a là: 938.954.000đ, cụ thể: Hạng mục vốn sự nghiệp thực hiện chương trình MTQGGNBV -CT 30a tổng kinh phí: 799.754.000đ, (Trong đó: Giống ngô: 60.000.000đ, Giống lúa: 90.000.000đ, giống dong riềng: 20.000.000đ, Bò cái sinh sản: 260.000.000đ, Chuồng trại 60.000.000đ, Phân bón ngô: 157.500.000đ, Phân bón lúa: 105.000.000đ, kinh phí quản lý: 40.254.000đ, kinh phí tập huấn: 7.000.000đ); Hạng mục vốn sự nghiệp thực hiện kiến tạo ruộng bậc thang, giao khoán chăm sóc bảo vệ rừng: 139.200.000đ, (trong đó: Giao khoán, bảo vệ rừng: 60.000.000đ, chi phí quản lý: 4.200.000đ; Tạo ruộng bậc thang: 75.000.000đ).

- Kết quả thực hiện: 888.610.000đ, thu hồi trả lại ngân sách nhà nước 50.344.000đ, trong đó: hạng mục tạo ruộng bậc thang 10.090.000đ, kinh phí quản lý: 40.254.000đ.

- + Hỗ trợ mua bò cái sinh sản; 260.000.000đ
- + Hỗ trợ giống ngô lai; 60.000.000đ
- + Hỗ trợ giống lúa lai; 90.000.000đ
- + Hỗ trợ làm chuồng trại; 60.000.000đ
- + Hỗ trợ phân bón ngô; 157.500.000đ
- + Hỗ trợ phân bón lúa lai; 105.000.000đ
- + Hỗ trợ giống dong riềng; 20.000.000đ
- + Chi phí khoán bảo vệ rừng: 60.000.000đ
- + Chi phí quản lý: 4.200.000đ
- + Hỗ trợ cải tạo ruộng bậc thang; 64.909.000đ (số còn do nghiệm thu không đủ diện tích nên trả lại ngân sách)
- + Mở lớp tập huấn; 7.000.000đ

2.3. Kết quả kiểm tra, xác minh thực tế tại một số xóm trên địa bàn xã:

Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh tại một số xóm: Tổng Chảo, Tổng Ngoàng, Nà Đon, Nà Luông, Bản Nà... Qua kiểm tra, xác minh, các hộ dân đã được hỗ trợ đúng đối tượng và nhận đầy đủ số lượng theo danh sách cấp phát do xã lập như: Hỗ trợ kinh phí mua Bò cái sinh sản, Dê cái sinh sản, hỗ trợ kinh phí làm chuồng trại, hỗ trợ giống ngô, lúa, giống cỏ voi VA06, kinh phí kiến tạo ruộng bậc thang, kinh phí chăm sóc, giao khoán bảo vệ rừng...

2.4. Đánh giá, nhận xét về kết quả thanh tra, kiểm tra:

2.4.1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND huyện, sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn, UBND xã Quảng Lâm đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 30a của Thủ tướng Chính phủ đúng quy định, đúng đối tượng được hưởng lợi; việc hỗ trợ cho các hộ dân về giống cây trồng, vật nuôi,

hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ kinh phí kiến tạo ruộng bậc thang, kinh phí chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng...là thiết thực, được các hộ dân ủng hộ, chăm sóc có hiệu quả, góp phần tăng thêm thu nhập, ổn định để từng bước cải thiện đời sống...

2.4.2. Hạn chế:

Công tác tuyên truyền chính sách ở cấp cơ sở xã còn hạn chế; nhận thức của các hộ dân về chính sách hỗ trợ cho người nghèo chưa đầy đủ, nên sử dụng các chính sách hỗ trợ chưa có hiệu quả; việc thực hiện hỗ trợ bằng hiện vật gặp nhiều khó khăn do đăng ký nhu cầu của người dân không tập trung, thống nhất về giống cây trồng, vật nuôi...

2.4.3. Nguyên nhân:

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện còn thiếu đồng bộ cho nên gây lúng túng cho cơ sở dẫn đến hạn chế trong việc triển khai, thực hiện.

- Việc rà soát nhu cầu của đối tượng thụ hưởng chính sách chưa kịp thời nên khó khăn trong việc phân bổ kinh phí và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

- Địa bàn thực hiện rộng, phân tán; tỉnh, huyện không có nguồn kinh phí bổ sung cho công tác quản lý, kiểm tra...quá trình thực hiện chủ yếu lồng ghép với các chương trình đầu tư khác.

- Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số xóm chưa đem lại hiệu quả cao, một số hộ dân thực hiện dự án kém hiệu quả, còn trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước không tự vươn lên khắc phục khó khăn, vươn lên xóa đói, giảm nghèo, trình độ dân trí thấp, tập quán lạc hậu và một số hộ dân không muốn thoát nghèo...

3. Chương trình 135 (Giai đoạn 2015-2019):

3.1. Năm 2015:

- Thực hiện theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 26/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các Chương trình mục tiêu quốc gia năm), kinh phí hỗ trợ: 368.702.000đ; hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo mua bò cái sinh sản:

- Kết quả thực hiện: Mua bò hỗ trợ hộ nghèo là: 368.702.000đ đạt 100%.

3.2. Năm 2016:

Thực hiện theo Quyết định số 750/QĐ-UBND, ngày 15/6/2016 của UBND huyện Bảo Lâm về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2016, tổng kinh phí hỗ trợ 422.128.000đ

- Kết quả thực hiện;

+ Mua bò hỗ trợ hộ nghèo là: 418.600.000đ;

+ Hỗ trợ mua giống ngô: 3.528.000đ

3.3. Năm 2017:

- Thực hiện theo Quyết định số 1961/QĐ-UBND, ngày 03/8/2017 của UBND huyện Bảo Lâm về việc phê duyệt kế hoạch dự toán hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 135 của các xã, thị trấn năm 2017 tổng kinh phí 358.565.000đ, trong đó: Hỗ trợ mua bò cái sinh sản: 287.000.000đ, Hỗ trợ mua giống cây keo: 71.565.000đ.

- Kết quả thực hiện;

- + Mua bò hỗ trợ hộ nghèo là: 287.000.000đ;
- + Hỗ trợ mua giống cây keo cho hộ nghèo: 71.565.000đ

3.4. Năm 2018:

- Thực hiện theo Quyết định số 1721^a/QĐ-UBND, ngày 23/7/2018 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn sự nghiệp CTMTQG - CT 135 của các xã, thị trấn năm 2018 tổng kinh phí : 124.000.000đ

- Kết quả thực hiện:

- + Mua bò cái sinh sản hỗ trợ hộ nghèo là: 124.000.000đ

3.5. Năm 2019:

- Thực hiện theo Quyết định số 1882/QĐ-UBND, ngày 08/8/2019 của UBND huyện Bảo Lâm phê duyệt dự án vốn dự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thực hiện Chương trình 30a, Chương trình 135 năm 2019, tổng kinh phí giao là: 254.000.000đ, cụ thể: Hỗ trợ bò cái sinh sản: 254.000.000đ.

- Kết quả thực hiện

- + Mua bò cái sinh sản hỗ trợ hộ nghèo là: 254.000.000đ

3.6. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Trên cơ sở báo cáo kết quả UBND xã, các chứng từ, tài liệu, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh thực tế tại một số xóm trên địa bàn xã:

- Qua kiểm tra, xác minh thực tế tại một số xóm: xóm Tổng Chảo, xóm Nà Luông, xóm Tổng Ngoàng, xóm Bản Nà, xóm Nà Đon,... các hộ dân đều đã nhận đầy đủ số lượng và đúng đối tượng thụ hưởng theo danh sách cấp phát do xã lập;

- Việc hỗ trợ giống vật nuôi là thiết thực, được nhân dân ủng hộ và chăm sóc có hiệu quả;

- Việc hỗ trợ mua giống cây trồng: Nhìn chung tỉ lệ cây trồng mọc chưa cao, trồng không tập trung, không đúng quy trình kỹ thuật, không chăm sóc, cây còi cọc, yếu ớt, nhìn chung hiệu quả kinh tế không cao.

III. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIẾP CỘNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO:

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

1.1. Công khai minh bạch trong mua sắm công

- Đoàn thanh tra tiến hành xem xét về thủ tục, trình tự mua sắm đối với gói thầu gồm mua sắm trang thiết bị năm 2019 với giá trị là 93.176.000đ. Kết quả như sau:

- Căn cứ Quyết định giao dự toán ngân sách hằng năm, UBND xã lập dự toán và kế hoạch mua sắm.

- Hình thức mua sắm: Chủ đầu tư thực hiện mua sắm theo hình thức chỉ định thầu rút gọn theo Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Hồ sơ gồm: Quyết định giao dự toán, bản báo giá của 03 nhà thầu, Quyết định chỉ thầu số 65^b/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND xã, Hợp đồng kinh tế gói thầu mua sắm, Biên bản bàn giao, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán.

- Theo báo cáo của UBND xã, trong việc mua sắm không có khoản thu hoa hồng, các khoản thu khác, quà tặng, quà biếu và các hình thức khuyến mại.

* *Hạn chế*: Chưa thực hiện nội dung công khai theo quy định của Luật đấu thầu.

1.2 Công khai minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng

Đoàn Thanh tra tiến hành kiểm tra tại 03 công trình là Mặt đường bê tông xi măng tuyến Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2017- 2019; Mặt đường bê tông xi măng tuyến Tổng Ngoảng - Phiêng Phát, Quảng Lâm và Nền đường GTNT tuyến Pác Khuổi - Nà Diềm, Quảng Lâm:

1.2.1. Mặt đường bê tông xi măng tuyến Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2017- 2019 (Thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới):

Qua kiểm tra, công trình Mặt đường bê tông xi măng tuyến Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2017- 2019 cơ bản được thi công theo thiết kế được duyệt. Công trình có tổng chiều dài tuyến đường theo thiết kế là 2.045m (trong đó: 127m đường có chiều rộng 1,5m; dày 0,1m và 1.918m đường có chiều rộng 2,5m; dày 0,14m). Thực tế đã thi công được 1.605m (trong đó: 550m đường có chiều rộng 3,0m; dày 0,2m và 1.055m đường có chiều rộng 2,5m; dày 0,14m). Theo giải trình của UBND xã, do tuyến đường bê tông xi măng tuyến Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2019 nằm trên trục giao thông đi lại từ bến phà vào trục chính của xã và ý kiến của bà con nhân dân xóm Phiêng Mường kiến nghị thay đổi chiều rộng và dày mặt đường bê tông từ bến phà đến đầu cầu treo để đảm bảo lưu thông được xe có trọng tải lớn nên UBND xã đã thay đổi thiết kế đổ bê tông với chiều dày 0,2m chiều rộng 3,0m để đảm bảo chịu tải. Tuy chiều dài tuyến đường bị thu ngắn lại 440m nhưng về khối lượng bê tông của toàn tuyến đường không thay đổi.

a, Mặt đường bê tông xi măng tuyến Đầu cầu Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2017 được đầu tư theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017 trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng và được giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND huyện Bảo Lâm. Công trình được khởi công ngày 01/11/2017 và hoàn thành ngày 18/11/2017.

* Dự toán được duyệt:

- Tổng mức đầu tư: 133.865.000đ (trong đó: Ngân sách nhà nước: 100.000.000đ, Nhân dân đóng góp: 33.865.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

+ Chi phí xây dựng: 95.466.000đ

+ Chi phí QLDA: 2.658.000đ

+ Chi phí TVĐTXD: 592.000đ

+ Chi phí khác: 1.284.000đ

* Thực tế thi công:

- Đã thực hiện: 133.865.000đ (trong đó: Ngân sách nhà nước: 100.000.000đ, Nhân dân đóng góp: 33.865.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

- + Chi phí xây dựng: 95.466.000đ
- + Chi phí QLDA: 2.658.000đ
- + Chi phí TVĐTXD: 592.000đ
- + Chi phí khác: 1.284.000đ.

b, Mặt đường bê tông xi măng tuyến Phiêng Mường - Khau Củng, Quảng Lâm năm 2019 được đầu tư theo Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng và được giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của UBND huyện Bảo Lâm. Công trình được khởi công ngày 06/9/2019 và hoàn thành ngày 18/10/2019.

* Dự toán được duyệt:

- Tổng mức đầu tư: 1.122.274.000đ (trong đó: Ngân sách nhà nước: 811.000.000đ, Nhân dân đóng góp: 311.274.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

- + Chi phí xây dựng: 774.034.000đ
- + Chi phí QLDA: 20.896.000đ
- + Chi phí TVĐTXD: 5.300.000đ
- + Chi phí khác: 10.770.000đ

* Thực tế thi công:

- Đã thực hiện: 1.122.274.000đ (trong đó: Ngân sách nhà nước: 811.000.000đ, Nhân dân đóng góp: 311.274.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

- + Chi phí xây dựng: 774.034.000đ
- + Chi phí QLDA: 20.896.000đ
- + Chi phí TVĐTXD: 5.300.000đ
- + Chi phí khác: 10.770.000đ.

1.2.2. Mặt đường bê tông xi măng tuyến Tổng Ngoảng - Phiêng Phát, Quảng Lâm (Thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững Chương trình 135 năm 2018) được đầu tư theo Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng và được giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 và Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Bảo Lâm. Công trình được thực hiện trong 03 năm 2018, 2019 và 2020: Năm 2018 được khởi công ngày 11/10/2018 và hoàn thành ngày 05/11/2018; Năm 2019 được khởi công ngày 08/5/2019 và hoàn thành ngày 24/5/2019; Năm 2020 được khởi công ngày 08/5/2020 và hoàn thành ngày 24/5/2020.

Qua kiểm tra, công trình Mặt đường bê tông xi măng tuyến Tổng Ngoảng - Phiêng Phát cơ bản được thi công theo thiết kế được duyệt. Công trình có tổng chiều dài tuyến đường theo thiết kế là 1.560m (trong đó: 130m đường có chiều rộng 2,5m; dày 0,14m tại xóm Nà Kiềng và 1.430m đường có chiều rộng 2,5m; dày 0,14m tại xóm Tổng Ngoảng). Thực tế đã thi công được 1.103m (trong đó: 121m đường có chiều rộng 2,5m; dày 0,18m tại xóm Nà Kiềng và 982m đường có chiều rộng 3,0m; dày 0,18m tại xóm Tổng Ngoảng). Theo giải trình của UBND xã, công trình Mặt đường bê tông tuyến Tổng Ngoảng - Phiêng Phát thực hiện năm 2018 nằm trên trục giao thông chính đi các xóm Tổng Ngoảng, Nà Luông, Nà Kiềng, Phiêng Phát có lưu lượng xe cộ lưu thông lớn nên xã đã thay đổi thiết kế đổ bê tông với chiều rộng 3,0m; dày 0,18m để đảm bảo chịu tải. Tuy chiều dài tuyến đường bị thu ngắn lại 457m nhưng về khối lượng bê tông của toàn tuyến đường không thay đổi.

- Tổng mức đầu tư là: 915.181.000đ, (trong đó: Ngân sách nhà nước: 645.410.000đ, Nhân dân đóng góp: 269.771.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

- + Chi phí xây dựng: 617.428.000đ
- + Chi phí QLDA: 15.128.000đ
- + Chi phí TVĐTXD: 4.072.000đ
- + Chi phí khác: 8.782.000đ.

- Đã thực hiện: 915.181.000đ, (trong đó: Ngân sách nhà nước: 645.410.000đ, Nhân dân đóng góp: 269.771.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

- + Chi phí xây dựng: 617.428.000đ
- + Chi phí QLDA: 15.128.000đ
- + Chi phí TVĐTXD: 4.072.000đ
- + Chi phí khác: 8.782.000đ.

1.2.3. Nền đường GTNT tuyến Pác Khuổi - Nà Diềm, Quảng Lâm (Thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững Chương trình 135 năm 2017) được đầu tư theo Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Cao Bằng về chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2017 trên địa bàn huyện Bảo Lâm và được giao chỉ tiêu kế hoạch vốn theo Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND huyện Bảo Lâm. Công trình được khởi công ngày 01/11/2017 và hoàn thành ngày 15/12/2017.

Qua kiểm tra, công trình Nền đường GTNT tuyến Pác Khuổi - Nà Diềm cơ bản được thi công theo thiết kế được duyệt. Tuy nhiên, UBND xã chưa làm tốt công tác khảo sát, lấy ý kiến người dân dẫn đến thi công thiếu khối lượng. Theo giải trình của UBND xã, tổng chiều dài theo thiết kế là 3.400m, đã thực hiện được 2.770m, còn thiếu 630m là do tuyến đường dự kiến mở đi qua đất ruộng, nương rẫy của nhiều hộ dân, trong đó có đất của hộ dân cư trú trên địa bàn thị trấn Pác Miầu nên việc giải tỏa mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Điểm cuối của tuyến đường đã mở tới diện tích đất của ông Trần Văn Tuyên và cũng là hộ cuối cùng của khu dân cư Nà Diềm. Hộ ông Trần Văn Tuyên cũng không nhất trí cho mở tiếp tuyến đường đi qua diện tích đất của gia đình ông, nên không thể thi công phần khối lượng còn thiếu.

- Tổng mức đầu tư là: 345.956.000đ, (trong đó: Ngân sách nhà nước: 142.936.000đ, Nhân dân đóng góp: 203.020.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

+ Chi phí xây dựng: 131.116.000đ

+ Chi phí QLDA: 7.000.000đ

+ Chi phí TVĐTXD: 1.500.000đ

+ Chi phí khác: 3.320.000đ

- Đã thực hiện: 322.761.300đ (trong đó: Ngân sách nhà nước: 119.741.300đ, Nhân dân đóng góp: 203.020.000đ), cụ thể phần kinh phí Ngân sách Nhà nước đầu tư:

+ Khối lượng xây lắp: 107.921.300đ

+ Chi phí QLDA: 7.000.000đ

+ Chi phí TVĐTXD: 1.500.000đ

+ Chi phí khác: 3.320.000đ

- Khối lượng chưa thực hiện: Chiều dài tuyến đường thi công thiếu 630m = 1.611m³ đất cấp 3 với số tiền 23.194.700đ (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

1.2.4. Nhận xét chung

- Ngay sau khi được phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, được giao chỉ tiêu vốn thực hiện, UBND xã tập trung chỉ đạo các bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện các bước theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu. Các công trình được đầu tư đúng đối tượng, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại dễ dàng trong sinh hoạt hàng ngày và trong phát triển sản xuất cũng như giao lưu, trao đổi hàng hóa, giao lưu văn hóa, đảm bảo cơ động trong công tác tuần tra của các lực lượng chức năng, thuận lợi cho việc bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, hoàn thiện dần việc xây dựng mạng lưới đường giao thông nông thôn tại địa phương, đem lại hiệu quả đầu tư, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Việc đầu tư xây dựng được công khai, minh bạch được thông qua tại các kỳ họp HĐND xã và công khai cho nhân dân vùng được hưởng lợi được biết, tạo điều kiện cho nhân dân các xóm thực hiện việc giám sát cộng đồng theo quy định:

- Công tác lập danh mục đầu tư được thực hiện công khai, minh bạch từ các xóm trên địa bàn xã. Được bà con nhân dân các xóm đề xuất danh mục chủ trương đầu tư giai đoạn 2016-2020. Bình xét công khai, dân chủ theo quy định.

- Công tác lập dự toán được Ban quản lý xã thực hiện dựa trên khối lượng khảo sát, thống nhất giữa tổ khảo sát xây dựng NTM xã, xóm. Xây dựng giá vật liệu dựa trên báo giá liên sở Tài chính, Sở xây dựng tại thời điểm lập dự toán, căn cứ theo đơn giá gốc và các văn bản hướng dẫn của tỉnh.

- Công tác đấu thầu thực hiện theo hình thức đấu thầu cộng đồng, có thông báo đến các xóm trên địa bàn xã qua hình thức dán thông báo mời thầu tại nhà văn hóa các xóm, Dán thông báo mời thầu tại bảng tin của UBND xã, Thông báo tới các cộng đồng hưởng lợi. Quá trình mở thầu, xét thầu thực hiện công khai minh bạch, có đầy đủ thành phần từ Ban quản lý xã, Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện tổ trưởng cộng đồng thi công và đại diện người hưởng lợi.

* *Hạn chế*: Thay đổi thiết kế trong thi công so với thiết kế được duyệt nhưng chưa thực hiện các thủ tục theo quy định.

1.3. Công khai minh bạch về tài chính ngân sách

- Hằng năm, UBND xã xây dựng dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc công khai tài chính được công khai trong hội nghị CBCCV, kỳ họp HĐND và niêm yết tại bảng tin của UBND xã.

- Việc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện theo chế độ hiện hành.

1.4. Công khai minh bạch trong hoạt động giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và biên chế, UBND xã đã ban hành Quy chế làm việc, Quyết định phân công nhiệm vụ cho công chức.

- UBND xã đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính giải quyết công việc của xã thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính chung và các văn bản quy định khác của pháp luật.

- Thường xuyên rà soát các danh mục thủ tục hành chính; ban hành quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 về cử cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính xã Quảng Lâm; ban hành theo Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND xã Quảng Lâm kèm theo quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã Quảng Lâm, tổ chức thực hiện nghiêm các quy định trong việc niêm yết công khai minh bạch tất cả các thủ tục hành chính cấp xã, tạo điều kiện cho nhân dân biết để thuận lợi trong việc tra cứu, giám sát và kịp thời phản ánh, kiến nghị những khó khăn, vướng mắc.

Khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, công chức chuyên môn trực tiếp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ tại bộ phận “Tiếp nhận và trả kết quả” đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc “bốn tại chỗ”; đối với các thủ tục cần thời gian xác minh, không kịp trả trong ngày UBND xã làm phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu; đối với các thủ tục chưa đủ hồ sơ công chức chuyên môn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định.

1.5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

- UBND xã thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn đến các CBCCV trong các cuộc họp cơ quan, sơ kết, tổng kết hàng năm.

- UBND xã đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Việc chấp hành các chế độ, tiêu chuẩn trên cơ sở các quy định hiện hành.

* *Hạn chế*: Quy chế chi tiêu nội bộ còn có nội dung quy định không đúng với chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chưa xây dựng Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị định số 84/2014/NĐ-CP và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 của UBND tỉnh về Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1.6. Xây dựng và thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26 tháng 02 năm 2017 về việc ban hành quy tắc ứng xử của Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ

máy chính quyền địa phương. Hàng năm UBND xã xây dựng và ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua khen thưởng trong đó có nội dung thi đua thực hiện “văn hóa công sở” với thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính một cách có hiệu quả, tiến tới mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, trong sạch, dân chủ, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, đủ năng lực, đồng thời duy trì được tính liên tục của nền hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển và bảo vệ đất nước; tổ chức tuyên truyền, quán triệt quy tắc ứng xử đến toàn thể cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp sinh hoạt, giao ban định kỳ của UBND xã. Thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công chức có thái độ đúng mực trong khi thực thi công vụ. Tổ chức niêm yết, công khai Quy tắc ứng xử tại Ủy ban nhân dân xã để nhân dân giám sát việc chấp hành của cán bộ, công chức xã. Trong giai đoạn 2015 - 2019 UBND xã chưa nhận được ý kiến phản ánh nào của công dân về thái độ phục vụ của cán bộ công chức trong thực thi công vụ.

- Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của CBCCVC thông qua công tác quản lý, điều hành thường xuyên của đơn vị, gắn việc thực hiện Quy tắc với việc đánh giá phân loại công chức.

1.7. Thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập

Hàng năm, sau khi có văn bản đôn đốc, hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập của UBND huyện, UBND xã đã chỉ đạo các đối tượng tiến hành kê khai và nộp bản kê khai theo quy định, tổng hợp gửi Phòng Nội vụ huyện.

a, Kết quả kê khai:

- Năm 2014: Đối tượng thuộc diện phải kê khai 18 người; Số người đã kê khai 18 người;

- Năm 2015: Đối tượng thuộc diện phải kê khai 23 người; Số người đã kê khai 23 người;

- Năm 2016: Đối tượng thuộc diện phải kê khai 23 người; Số người đã kê khai: 23 người.

- Năm 2017: Đối tượng thuộc diện phải kê khai 21 người, Số người đã kê khai 21 người.

- Năm 2018: Đối tượng thuộc diện phải kê khai 20 người, Số người đã kê khai 20 người.

b, Công tác công khai:

- Bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức được công khai theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã.

c, Công tác quản lý, lưu trữ bản kê khai tài sản, thu nhập:

- Bản kê khai hằng năm đã được sao gửi theo quy định.

- Công tác lưu trữ bản kê khai đối với các cá nhân tương đối tốt.

1.8. Ký cam kết không tham nhũng

- Xã đã tổ chức ký cam kết không tham nhũng cho 23 cán bộ, công chức theo quy định.

2. Công tác phát hiện và xử lý tham nhũng

2.1. Công tác tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị

- Xã đã thường xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của CBCCVC thuộc phạm vi mình quản lý gắn với công tác PCTN thông qua công tác điều hành thường xuyên. Đến nay chưa phát hiện có hành vi tham nhũng.

2.2. Trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng

UBND xã đã tạo điều kiện thuận lợi để công dân tố cáo hành vi tham nhũng như: trực tiếp hoặc gửi đơn tố cáo đến UBND xã, niêm yết các số điện thoại, địa chỉ Email của cán bộ quản lý tại bảng tin để người dân thuận tiện liên hệ tố giác các hành vi tham nhũng. Tuy nhiên, đến nay xã chưa nhận được đơn tố cáo nào về hành vi tham nhũng.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN

3.1 Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Xã chưa xây dựng Kế hoạch công tác PCTN hàng năm.

3.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về PCTN

- Lãnh đạo xã đã tham gia hội nghị tuyên truyền pháp luật về PCTN của cấp huyện.

- Xã đã tổ chức lồng ghép tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN được 01 cuộc tại UBND xã với 55 người tham dự, tại các xóm được 10 cuộc với 718 người tham dự.

4. Trách nhiệm tiếp công dân, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

4.1. Công tác tiếp công dân

- Việc tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo: Việc tổ chức tiếp công dân tại Ủy ban nhân dân xã được Chủ tịch UBND xã quan tâm, thực hiện theo đúng luật Tiếp công dân năm 2013, nhờ đó đã giải quyết được những vấn đề bức xúc của nhân dân. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như: Công dân đến kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo chưa đi đúng quy trình tiếp công dân, thường trực tiếp đến gặp Chủ tịch UBND xã để phản ánh trực tiếp khi có vướng mắc.

- Việc tiếp công dân thường xuyên:

+ UBND xã đã bố trí nơi tiếp công dân tại phòng làm việc của công chức văn phòng, và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác tiếp công dân. Công tác tiếp dân thường xuyên do cán bộ Văn phòng UBND xã làm thường trực.

- Xã đã xây dựng lịch tiếp dân của lãnh đạo, Nội quy, Quy chế tiếp công dân.

- Đã có sổ tiếp công dân theo quy định

- Từ năm 2016 đến năm 2019 UBND xã đã tiếp được 06 lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị, nội dung chủ yếu về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tranh chấp nguồn nước. Khi có công dân đến phản ánh, UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xem xét giải quyết kịp thời.

- *Hạn chế:* Việc phân loại, xử lý đơn của công chức phụ trách công tác tiếp công dân chưa đảm bảo yêu cầu: Phân loại đơn, nội dung kiến nghị, phản ánh chưa đúng nội dung; ghi chép, theo dõi đơn của công dân trên sổ tiếp công dân, sổ nhận đơn còn sơ sài chưa đủ nội dung cần theo dõi, quản lý.

4.2. Việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền:

Tổng số đơn thư đã tiếp nhận từ năm 2016 đến năm 2019 UBND xã đã tiếp nhận 08 đơn. Trong đó: Tố cáo 02 đơn; kiến nghị, phản ánh 06 đơn.

- Đơn thuộc thẩm quyền: 03 đơn, trong đó: 02 kiến nghị giải quyết tranh chấp nguồn nước, 01 đơn tranh chấp đất đai đã hòa giải xong.

- Đơn không thuộc thẩm quyền: 05 đơn (trong đó: 02 đơn tố cáo, 02 đơn kiến nghị, 01 đơn kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai), đã chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Qua kiểm tra hồ sơ vụ việc tranh chấp đất giữa ông Nông Văn Bình trú tại xóm Bản Nà với ông Ma Văn Thiết trú tại xóm Bản Đe - thị trấn Pác Miầu, hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị của ông Nông Văn Bình, Biên bản hòa giải tại UBND xã.

* *Hạn chế*: Chưa có văn bản phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức đi thẩm tra, xác minh; Chưa có biên bản xác minh, chưa trích đo, trích lục diện tích đất tranh chấp để làm cơ sở cho việc hòa giải và công tác chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có Báo cáo kết quả xác minh của người được giao nhiệm vụ xác minh.

- Qua kiểm tra hồ sơ vụ việc tranh chấp nguồn nước giữa ông Hầu Văn Vị với ông Lý Hạnh Pá cùng trú tại xóm Nà Kiềng, hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị của ông Hầu Văn Vị, Biên bản hòa giải tại Nhà văn hóa xóm Nà Kiềng.

* *Hạn chế*: Chưa có văn bản phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức đi thẩm tra, xác minh; Chưa có biên bản xác minh, chưa trích đo, trích lục nơi xảy ra tranh chấp nguồn nước để làm cơ sở cho việc hòa giải.

- Qua kiểm tra hồ sơ vụ việc tranh chấp nguồn nước giữa ông Lầu Văn Sử với ông Lý Văn Xa cùng trú tại xóm Phiêng Phát, hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị của ông Lầu Văn Sử, Biên bản xác minh, Biên bản hòa giải tại Nhà văn hóa xóm Phiêng Phát.

* *Hạn chế*: Chưa có văn bản phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức đi thẩm tra, xác minh; Chưa trích đo, trích lục nơi xảy ra tranh chấp nguồn nước để làm cơ sở cho việc hòa giải; Biên bản xác minh và Biên bản hòa giải chưa có chữ ký xác nhận của những người liên quan.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. KẾT LUẬN

1. Kết quả đã đạt được

Qua kết quả thanh tra tại UBND xã cho thấy: Xã đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách và công tác PCTN, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, bước đầu thu được những kết quả tích cực.

1.1. Vật tư, văn phòng phẩm, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn được sử dụng đúng mục đích và phát huy hiệu quả. Trong việc mua sắm không có khoản thu hoa hồng, các khoản thu khác, quà tặng, quà biếu và các hình thức khuyến mại.

1.2. Việc xây dựng và triển khai các Quy chế khá đầy đủ và hiệu quả, các bộ phận chuyên môn đã được phân công nhiệm vụ cụ thể từng chức danh, cán bộ, công chức; công khai các thủ tục hành chính giải quyết công việc tại trụ sở cơ quan, các bộ phận chuyên môn đã giải quyết kịp thời, đúng thời hạn, đúng pháp luật các công việc thuộc trách nhiệm. Quán triệt, triển khai thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ,

công chức theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ và UBND tỉnh, thường xuyên kiểm tra, đơn đốc thực hiện, gắn việc thực hiện quy chế với việc đánh giá, xếp loại công chức hằng năm. Hằng năm, xã đều tổ chức cho các đối tượng thực hiện kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo hướng dẫn; công tác quản lý, lưu giữ, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo quy định.

1.3. Lãnh đạo UBND xã đã chủ động kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức do mình quản lý thông qua công tác quản lý, điều hành thường xuyên, nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng. Cử cán bộ, công chức tham gia các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật do huyện tổ chức và thực hiện nội dung tuyên truyền phổ biến pháp luật PCTN tại UBND xã và các xóm. Tổ chức ký cam kết không tham nhũng cho cán bộ, công chức của xã theo quy định.

1.4. UBND xã đã thực hiện tương đối tốt việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư của công dân. Xem xét xử lý, giải quyết dứt điểm, kịp thời các phản ánh, kiến nghị của công dân.

1.5. UBND xã đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành, chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng ngân sách từ năm 2015 - 2019.

2. Hạn chế còn tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế còn tồn tại như sau:

2.1. Về công tác phòng, chống tham nhũng:

- Chưa thực hiện nội dung công khai theo quy định của Luật đấu thầu đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị năm 2019 với giá trị là 93.176.000đ.

- Thay đổi thiết kế một số công trình Mặt đường bê tông xi măng trong thi công so với thiết kế được duyệt nhưng chưa thực hiện các thủ tục theo quy định.

- Quy chế chi tiêu nội bộ còn có nội dung quy định không đúng với chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chưa xây dựng Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Nghị định số 84/2014/NĐ-CP và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 của UBND tỉnh về Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Xã chưa xây dựng Kế hoạch công tác PCTN hằng năm.

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) trong quá trình thực hiện và việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với cán bộ, công chức của UBND xã thực hiện.

2.2. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Việc phân loại, xử lý đơn của công chức phụ trách công tác tiếp công dân chưa đảm bảo yêu cầu: Phân loại đơn, nội dung kiến nghị, phản ánh chưa đúng nội dung; ghi chép, theo dõi đơn của công dân trên sổ tiếp công dân, sổ nhận đơn còn sơ sài chưa đủ nội dung cần theo dõi, quản lý.

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) trong quá trình thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo và bà Quan Thị Lập - Công chức Văn phòng - thống kê xã trong việc thực hiện khi được phân công, giao nhiệm vụ.

- Một số hồ sơ giải quyết đơn KNTC của công dân còn thiếu một số văn bản như:

+ Hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai: Chưa có biên bản xác minh, chưa trích đo, trích lục diện tích đất tranh chấp để làm cơ sở cho việc hòa giải và công tác chính lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có Báo cáo kết quả xác minh của người được giao nhiệm vụ xác minh.

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) trong quá trình thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo và bà Nông Thị Huế - Công chức Địa chính xã trong việc thực hiện khi được phân công, giao nhiệm vụ.

+ Hồ sơ giải quyết tranh chấp nguồn nước: Chưa có văn bản phân công, giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức đi thăm tra, xác minh; Chưa có biên bản xác minh, chưa trích đo, trích lục nơi xảy ra tranh chấp nguồn nước để làm cơ sở cho việc hòa giải; Biên bản xác minh và Biên bản hòa giải chưa có chữ ký xác nhận của những người liên quan.

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) trong quá trình thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo và ông Hầu A Sinh - Công chức Địa chính xã trong việc thực hiện khi được phân công, giao nhiệm vụ.

2.3. Về quản lý sử dụng ngân sách

- Còn xảy ra chi sai tiêu chuẩn, định mức trong thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách thường xuyên với số tiền **14.164.000đ**, cụ thể:

+ Ông Mã Văn Chung - Nguyên kế toán xã đã chi sai tiêu chuẩn, định mức từ năm 2015; 2016 là: **6.990.000đ**

+ Ông Ban Văn Thức - Kế toán xã đã chi sai chế độ, định mức năm 2017; 2018; 2019 là: **7.174.000đ**

+ Chưa có sổ theo dõi trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, chưa mở sổ theo dõi Giấy đi đường.

+ Hàng tháng, quý, năm chưa kiểm kê quỹ tiền mặt, cuối năm chưa kiểm kê tài sản.

+ Một số chứng từ kế toán còn thiếu chữ ký, sửa chữa sai quy định, một số hóa đơn bán hàng còn ghi ngày tháng khác giấy than, bằng bút bi, chứng từ gốc là Giấy đi đường chưa được đánh số thứ tự, đánh số phiếu chi sai quy định.

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và ông Mã Văn Chung - Kế toán xã Lý Bôn (Nguyên là kế toán xã Quảng Lâm), ông Ban Văn Thức - Kế toán xã với vai trò tham mưu trong việc triển khai thực hiện.

- Còn thanh toán sai khối lượng công trình Nền đường GTNT tuyến Pác Khuổi - Nà Diềm năm 2017 với số tiền **23.194.700đ** (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm đồng).

* Trách nhiệm thuộc ông Sầm Ngọc Thoa - Bí thư Đảng ủy (Nguyên là Chủ tịch UBND xã - Trưởng ban quản lý dự án) trong quá trình thực hiện và việc lãnh đạo, chỉ đạo đối với cán bộ, công chức của UBND xã thực hiện.

II. KIẾN NGHỊ:

Yêu cầu UBND xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm chỉ đạo và thực hiện ngay một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và sự quản lý, điều hành của UBND huyện, đồng thời phối hợp với các cơ quan, ban ngành, tổ chức Đoàn thể trong công tác giải quyết KNTC, công tác PCTN. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt các quy định của pháp luật về PCTN, giải quyết KNTC, gắn công tác tuyên truyền với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện công tác hàng năm. Làm tốt công tác quản lý, sử dụng ngân sách.

2. Ủy ban nhân dân xã, ông Sầm Ngọc Thoa (Nguyên là Chủ tịch UBND xã) nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với những hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách; công tác phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian qua.

III. BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thu hồi số tiền đã chi sai: **37.358.700đ** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm đồng) nộp vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện tại Kho bạc Nhà nước huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (số hiệu tài khoản: 3949.0.1114763).

2. Chủ tịch UBND xã:

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, các đơn vị và các cá nhân có liên quan khắc phục những hạn chế đã nêu trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo, tiến hành kiểm điểm, đánh giá, rút kinh nghiệm những hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách; công tác phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân trong thời gian qua đối với các cá nhân, tập thể liên quan đã nêu tại điểm 2. **Hạn chế còn tồn tại** (mục I. KẾT LUẬN của phần C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP XỬ LÝ).

Trên đây là Kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách; trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại UBND xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Nơi nhận:

- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- UBND xã Quảng Lâm;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT, HSTTr.

CHỦ TỊCH



Trịnh Sỹ Tài

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Kết luận số: ~~1758~~ /KL-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020
của UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng)

1. Năm 2015 (ông Mã Văn Chung phụ trách kế toán)

Đánh số phiếu chi sai quy định.

* Tổng thu: 4.080.530.000đ

* Tổng chi: 4.080.530.000đ

- Phiếu chi số PC0018b ngày 11/9/2015: Chi hội thi Tự hào tiến bước dưới cờ Đảng 2015, số tiền 3.772.000đ: Số tiền hợp lệ: 3.172.000đ, số tiền chi sai: **600.000đ** (Sai chế độ tiền ngữ).

- Phiếu chi số PC0031b ngày 30/11/2015: Chi tiếp xúc cử tri trước kỳ họp HĐND Khóa VI nhiệm kỳ 2011-2016: Kỳ họp lần thứ IX, số tiền 4.800.000đ: Số tiền hợp lệ: 4.040.000đ, số tiền chi sai: **760.000đ** (Chứng từ không hợp lệ).

- Phiếu chi số PC0039b ngày 30/11/2015: Chi tiền tham gia hội thi “Tuyên truyền viên giỏi kiến thức nuôi dạy con tốt” năm 2015, số tiền 1.310.000đ: Số tiền hợp lệ: 1.010.000đ, số tiền chi sai: **300.000đ** (Sai chế độ tiền ngữ).

- Phiếu chi số PC0070n ngày 18/12/2015: Chi tiền tham gia giải bóng đá Nam huyện Bảo Lâm năm 2015, số tiền 6.292.000đ: Số tiền hợp lệ: 5.292.000đ, số tiền chi sai: **1.000.000đ** (Sai chế độ tiền ngữ).

* **Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức năm 2015:**

$600.000 + 760.000 + 300.000 + 1.000.000 = 2.660.000đ.$

2. Năm 2016 (ông Mã Văn Chung phụ trách kế toán)

Đánh số phiếu chi sai quy định.

* Tổng thu: 3.899.102.625đ

* Tổng chi: 3.899.102.625đ

- Phiếu chi số 15 ngày 06/5/2016: Chi tiền tổ chức Đại hội Hội người cao tuổi khóa III nhiệm kỳ 2011-2016, số tiền 5.280.000đ: Số tiền hợp lệ: 4.950.000đ, số tiền chi sai: **330.000đ** (Ký thay tiền nước, ăn sai quy định).

- Phiếu chi số 20 ngày 9/5/2016: Chi tiền tham dự Hội thi tiếng hát giao duyên; trình diễn trang phục truyền thống huyện Bảo Lâm lần thứ 2 năm 2015, số tiền 5.230.000đ: Số tiền hợp lệ: 4.130.000đ, số tiền chi sai: **1.100.000đ** (Chi sai chế độ ngữ, tiền nước vượt số ngày).

- Phiếu chi số PC60 ngày 5/9/2016: Chi tiền nước tập luyện Hội thi “Giải hòa viên giỏi” năm 2016, số tiền 700.000đ: Số tiền hợp lệ: 500.000đ, số tiền chi sai: **200.000đ** (Chi vượt số ngày).

- Phiếu chi số PC118 ngày 30/12/2016: Chi tiền ăn HN triển khai lập Kế hoạch PTKTXH, số tiền 3.420.000đ: Số tiền hợp lệ: 1.620.000đ, số tiền chi sai: **1.800.000đ** (Chứng từ gốc chưa hợp lệ).

- Giấy rút dự toán ngân sách số RTM 113 ngày 20/01/2017: Tiền vé máy bay, tàu xe, phụ cấp công tác phí, số tiền 36.388.000đ: Số tiền hợp lệ: 35.488.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: **900.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 13/3/2016, người đi công tác Chu Đức Khanh, số tiền: 1.980.000đ, số tiền chi sai 180.000đ (Công tác 06 ngày ngủ 06 đêm).

+ Giấy đi đường ngày 20/6/2016, người đi công tác Lục Văn Phúc, số tiền: 1.744.000đ, số tiền chi sai 180.000đ (Công tác 04 ngày ngủ 04 đêm).

+ Giấy đi đường ngày 20/12/2016, người đi công tác Lục Văn Phúc, số tiền: 1.772.000đ, số tiền chi sai 360.000đ (Công tác 04 ngày ngủ 05 đêm).

+ Giấy đi đường ngày 20/12/2016, người đi công tác Chu Đức Khanh, số tiền: 1.922.000đ, số tiền chi sai 180.000đ (Công tác 05 ngày ngủ 05 đêm).

* **Số tiền đã chi sai, chưa hợp lệ năm 2016:** 330.000 + 1.100.000 + 200.000 + 1.800.000 + 900.000 = **4.330.000đ.**





(Kèm theo Kết luận số: **438** /KL-UBND ngày **29** tháng 12 năm 2020
của UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng)

1. Năm 2017 (ông Ban Văn Thức phụ trách kế toán)

* Tổng thu: 4.662.736.633đ

* Tổng chi: 4.662.736.633đ

- Phiếu chi số PC032 ngày 18/8/2017: Chi công tác phí, số tiền 1.220.000đ:
Số tiền hợp lệ: 1.040.000đ, số tiền chi sai: **180.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 26/7/2017, người đi công tác Lục Văn Phúc, số tiền: 1.220.000đ, số tiền chi sai 180.000đ (Công tác 02 ngày ngủ 02 đêm).

- Phiếu chi số 047 ngày 06/11/2017: Chi công tác phí cho đảng viên đi xác minh lý lịch quần chúng, số tiền 3.228.000đ: Số tiền hợp lệ: 2.000.000đ, số tiền chi sai: **1.228.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 14/9/2017, người đi công tác Lô Văn Chương, số tiền: 340.000đ, số tiền chi sai 340.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 18/9/2017, người đi công tác Lô Văn Chương, số tiền: 170.000đ, số tiền chi sai 170.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 06/10/2017, người đi công tác Dương Văn Vinh, số tiền: 118.000đ, số tiền chi sai 118.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 08/10/2017, người đi công tác Dương Văn Dè, số tiền: 340.000đ, số tiền chi sai 340.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 10/10/2017, người đi công tác Nguyễn Văn Pịa, số tiền: 150.000đ, số tiền chi sai 150.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 12/10/2017, người đi công tác Dương Văn Dè, số tiền: 110.000đ, số tiền chi sai 110.000đ (Người đi công tác không ký).

- Phiếu chi số PC083 ngày 15/12/2017: Chi tiền tổng kết, công tác phí, số tiền 3.896.000đ: Số tiền hợp lệ: 3.726.000đ, số tiền chi vượt tiêu chuẩn, định mức: **170.000đ**, cụ thể:

+ Hội nghị tổng kết Hội cựu chiến binh, số tiền 2.700.000đ, số tiền hợp lệ 2.680.000đ, số tiền chi sai 20.000đ (02 đại biểu không ký nhận)

+ Giấy đi đường ngày 25/9/2017, người đi công tác Mã Văn Nam, số tiền: 1.100.000đ, số tiền hợp lệ 950.000đ, số tiền chi vượt tiêu chuẩn, định mức 150.000đ (đi công tác 02 ngày thanh toán tiền ngủ 03 đêm).

- Phiếu chi số PC092 ngày 30/12/2017: Chi tiền công tác phí, số tiền 6.966.000đ: Số tiền hợp lệ: 6.666.000đ, số tiền chi sai: **300.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 05/3/2017, người đi công tác Chu Đức Khanh, số tiền 2.090.000đ: Số tiền hợp lệ 1.790.000đ, số tiền chi sai 300.000đ (Công tác 04 ngày ngủ 04 đêm).

* **Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức năm 2017:**
 $180.000 + 1.228.000 + 170.000 + 300.000 = 1.878.000đ.$



2. Năm 2018

* Tổng thu: 4.596.085.183đ

* Tổng chi: 4.596.085.183đ

- Giấy rút dự toán số: RTM152 ngày 22/01/2019: Chuyển tiền công tác phí, số tiền 28.904.000đ, số tiền hợp lệ: 27.658.000, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: **1.246.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 18/7/2018, người đi công tác: Chu Đức Khanh, số tiền: 1.268.000đ: Số tiền hợp lệ: 1.118.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: 150.000đ. (Công tác 03 ngày, thanh toán 04 ngày)

+ Giấy đi đường ngày 20/7/2018, người đi công tác: Hầu A Sinh, số tiền: 960.000đ: Số tiền hợp lệ: 760.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: 200.000đ. (Công tác 02 ngày, thanh toán 02 đêm).

+ Giấy đi đường ngày 14/8/2018, người đi công tác: Quan Thị Lập, số tiền: 2.288.000đ: Số tiền hợp lệ: 2.108.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: 180.000đ. (Công tác 06 ngày, thanh toán 06 đêm).

+ Giấy đi đường ngày 22/8/2018, người đi công tác: Hoàng Văn Hùng, số tiền: 48.000đ: Số tiền chi sai 48.000đ (Người đi công tác không ký).

+ Giấy đi đường ngày 12/11/2018, người đi công tác: Nông Quang Bằng, số tiền: 1.708.000đ: Số tiền hợp lệ: 1.158.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: 550.000đ. (Công tác 03 ngày, thanh toán 04 ngày 04 đêm)

+ Giấy đi đường ngày 23/11/2018, người đi công tác: Chu Đức Khanh, số tiền: 118.000đ: Số tiền chi sai 118.000đ (Người đi công tác không ký).

- Phiếu chi số PC088 ngày 31/12/2018: Chi công tác phí, người nhận tiền Hoàng Văn Khôi - Phó Bí thư Đoàn thanh niên xã Quảng Lâm, số tiền 1.648.000đ: Số tiền hợp lệ: 1.138.000đ, số tiền chi sai: **510.000đ**, cụ thể:

+ Giấy đi đường ngày 22/5/2018, người đi công tác Hoàng Văn Khôi, số tiền: 1.298.000đ, số tiền chi sai 510.000đ (Công tác 02 ngày, thanh toán 03 ngày 03 đêm).

* Số tiền đã chi sai, vượt tiêu chuẩn, định mức năm 2018: 1.246.000 + 510.000 = **1.756.000đ**

3. Năm 2019

* Tổng thu: 4.815.502.193đ

* Tổng chi: 4.815.502.193đ

- Phiếu chi số PC025 ngày 20/11/2019: Chi tiền tổ chức tập luyện và tham gia ngày hội văn hóa dân tộc Mông cụm xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm năm 2019, số tiền 26.100.000đ: Số tiền hợp lệ: 22.560.000đ, số tiền chi sai tiêu chuẩn, định mức: **3.540.000đ** (chi sai tiền xăng xe).

